CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 70/CJ Foods VN/2023

I.Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH CJ FOODS VIỆT NAM – CHI NHÁNH HIỆP PHƯỚC

Địa chỉ: Lô EA2-7, Khu công nghiệp Hiệp Phước (Giai đoạn 2), Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.3828 2642

Mã số doanh nghiệp: 3502236798-002

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

II.Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BEKSUL XỐT ƯỚP SƯỜN BÒ (Galbi Sauce for Beef)
2. Thành phần: Nước tương hỗn hợp {dung dịch amino acid (đậu nành khử béo: sản xuất nước ngoài), nước cốt tương ủ (đậu nành khử béo: sản xuất nước ngoài), muối, fructose khác (xi rô bắp cao fructose)}, đường, fructose khác (xi rô bắp cao fructose), lê xay nhuyễn 10,9% {lê (trong nước), vitamin C [chất chống oxy hóa: acid ascorbic (L-)]}, nước, hành tây xay nhuyễn (Trung Quốc), tỏi băm, táo xay nhuyễn 3,9% (táo: trong nước), chất điều vị: mononatri L-glutamat, chiết xuất hành lá, phẩm màu tổng hợp: caramen nhóm III (caramen amoni), bột tiêu, chất điều vị: dinatri 5'-ribonucleotid, chất điều chỉnh độ acid: acid citric, chất làm dày: gôm xanthan, chiết xuất quýt.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

   Quy cách đóng gói: 290 g, 500 g

   Chất liệu bao bì: hũ thủy tinh; nắp polyvinyl clorua (bên trong), sắt (bên ngoài).
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

   Nhà sản xuất: CJ Cheiljedang

   Địa chỉ: 16, Jukbon 2-gil, Yeonmu-eup, Nonsan-si, Chungcheongnam-do, Hàn Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Theo mẫu nhãn đính kèm

Dang Thi Ngoc Phuong/Food Safety, Kasuna 2023-10-06 13:18:13

IV.Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 02-2023/ATTP/CJFHP-FSC

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

M.S.C.N:3502236798-002-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CJ FOODS VIỆT NAM - CHI NHÁNH HIỆP PHƯỚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Park Young Ju

Dang Thi Ngoc Phuong2/Food Safety Kizuna 2023.10.06 14:18:13

Công Ty TNHH CJ Foods Việt Nam – Chi Nhánh Hiệp Phước
Địa chỉ: Lô EA2-7, Khu công nghiệp Hiệp Phước (Giai đoạn 2), Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số: 02-2023/ATTP/CJFHP-FSC

TIÊU CHUẨN
CHỈ TIÊU AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật:

Tham khảo theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm (Mục 6.8.1)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	*Coliforms*	cfu/g	10^2
3	*E. coli*	MPN/g	3
4	*S. aureus*	cfu/g	10^2
5	*Salmonella*	/25g	Không có
6	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	cfu/g	10^2

2. Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng:

Tham khảo theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.19; 2.31; 3.40; 4.16)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3. Giới hạn chỉ tiêu độc tố vi nấm:

Tham khảo theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm. (Mục 1.9; 2.11)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5,0
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10,0
3	Ochratoxin A	µg/kg	30,0

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

CÔNG TY TNHH CJ FOODS VIỆT NAM - CHI NHÁNH HIỆP PHƯỚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Park Young Ju

Dang Thi Ngoc Phuong?/Food Safety Kizuna/2023-10-06 14:27:13

제품명 백설 소갈비양념	**내용량** 290 g
제조원 씨제이제일제당(주) 충청남도 논산시 연무읍 죽본2길 16	**식품의 유형** 소스(살균제품)
품목보고번호 20020464088-29	**소비기한** 하단 표기일까지
보관방법 실온 보관, 개봉 후 냉장보관	
포장재질(내면) 용기-유리, 뚜껑-폴리염화비닐	

원재료명 혼합간장{아미노산액(탈지대두:외국산), 양조간장원액(탈지대두:외국산), 정제소금, 기타과당}, 설탕, 기타과당, 배퓨레{배(국산), 비타민C}, 정제수, 양파퓨레(중국산), 다진마늘, 사과퓨레(사과:국산), L-글루탐산나트륨(향미증진제), 파엑기스, 카라멜색소III, 후춧가루, 향미증진제, 산도조절제, 잔탄검, 감귤류추출물

대두, 밀 함유

BA4

백설

소갈비 양념

GALBI SAUCE for BEEF

고기맛의 황금비율 **100 %** 국산 배·사과

조리예

290 g

(435 kcal)

고기 1 kg용

(고기 100 g당 양념장 30 g 기준)

배 10.9 % 함유, 사과 3.9 % 함유

영양정보 총 내용량 290 g
100 g당 **150 kcal**

100 g당		1일 영양성분 기준치에 대한 비율
나트륨	1,960 mg	98 %
탄수화물	34 g	10 %
당류	31 g	31 %
지방	0 g	0 %
트랜스지방	0 g	
포화지방	0 g	0 %
콜레스테롤	0 mg	0 %
단백질	3 g	5 %

1일 영양성분 기준치에 대한 비율(%)은 2,000 kcal 기준이므로 개인의 필요 열량에 따라 다를 수 있습니다.

고객행복센터
080-850-1200
1666-5471(문자)
cj.co.kr

유리

뚜껑:철
라벨:PP

• 알류, 토마토, 메밀, 땅콩, 복숭아, 호두, 고등어, 우유, 게, 새우, 닭고기, 쇠고기, 오징어, 조개류, 잣 혼입 가능 • 본 제품은 소비자분쟁해결기준에 의거 교환 또는 보상 가능 • 부정·불량식품 신고는 국번없이 1399 • 반품 및 교환장소: 전국 판매점 • 용기파손 주의 • 개봉 시 '뻥' 소리 확인

8 801007 176307

CÔNG TY TNHH CJ FOODS VIỆT NAM - CHI NHÁNH HIỆP PHƯỚC
M.S.C.N: 3502236798-002 - C.T.T.N.H.H ★ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ★

Dang Thi Ngoc Phuong님/Food Safety Kizuna/2023-10-06 1…17

M.S.C.N:3502236798-002-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CJ FOODS VIỆT NAM - CHI NHÁNH HIỆP PHƯỚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

제품명	백설 소갈비양념
식품의 유형	소스(살균제품)
내용량	500 g
제조원	씨제이제일제당(주) 충청남도 논산시 연무읍 죽본2길 16
포장재질 (내면)	용기-유리, 뚜껑-폴리염화비닐
소비기한	하단 표기일까지
보관방법	실온 보관, 개봉 후 냉장보관 권장
품목보고번호	20020464088-29
원재료명	혼합간장{아미노산액(탈지대두:외국산), 양조간장원액(탈지대두:외국산), 정제소금, 기타과당}, 설탕, 기타과당, **배퓨레{배(국산)**, 비타민C}, 정제수, **양파퓨레(중국산)**, 다진마늘, **사과퓨레(사과:국산)**, L-글루탐산나트륨(향미증진제), 파엑기스, 카라멜색소III, 후춧가루, 향미증진제, 산도조절제, 잔탄검, 감귤류추출물 **대두, 밀 함유**
반품 및 교환장소	전국판매점

BB4

백설 소갈비 양념

GALBI SAUCE for BEEF

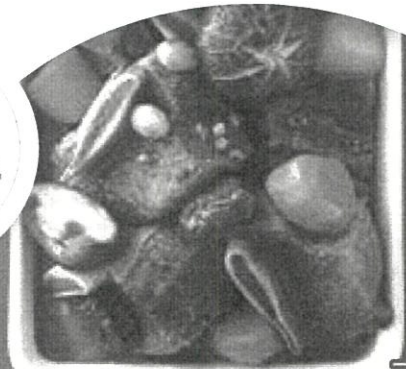

고기맛의 황금비율
100 % 국산 배·사과

조리예
500 g
(750 kcal)
고기 1.7 kg용
(고기 100 g당 양념장 30 g 기준)
배 10.9 % 함유, 사과 3.9 % 함유

영양정보

총 내용량 500 g
100 g당 **150 kcal**

100 g 당	1일 영양성분 기준치에 대한 비율
나트륨 1,960 mg	98 %
탄수화물 34 g	10 %
당류 31 g	31 %
지방 0 g	0 %
트랜스지방 0 g	
포화지방 0 g	0 %
콜레스테롤 0 mg	0 %
단백질 3 g	5 %

1일 영양성분 기준치에 대한 비율(%)은 2,000 kcal 기준이므로 개인의 필요 열량에 따라 다를 수 있습니다.

• 용기 파손 주의 • 알레르기 메밀 땅콩 복숭아 호두, 고등어 우유 게 새우 닭고기 쇠고기 오징어 조개류(굴, 전복, 홍합 포함) 함유 • 본 제품은 소비자 분쟁 해결 기준에 의거 고객 또는 보상 기능 • 부정·불량 식품 신고는 국번없이 1399 • 개봉 시 '벌'소리 날 수 있음

유리
뚜껑:철
라벨:PP

안전관리인증 HACCP

KOREA WORLD CLASS

8 801007 176352

고객행복센터 080-850-1200 1666-5471(문자)

Dang Thi Ngoc Phuong님/Food Safety, Kizuna, 2023. 10. 06.

Nhãn Phụ Sản Phẩm

Tên sản phẩm: BEKSUL XỐT ƯỚP SƯỜN BÒ (Galbi Sauce for Beef)

Thành phần: Nước tương hỗn hợp {dung dịch amino acid (đậu nành khử béo: sản xuất nước ngoài), nước cốt tương ủ (đậu nành khử béo: sản xuất nước ngoài), muối, fructose khác (xi rô bắp cao fructose)}, đường, fructose khác (xi rô bắp cao fructose), lê xay nhuyễn 10,9% {lê (trong nước), vitamin C [chất chống oxy hóa: acid ascorbic (L-)]}, nước, hành tây xay nhuyễn (Trung Quốc), tỏi băm, táo xay nhuyễn 3,9% (táo: trong nước), chất điều vị: mononatri L-glutamat, chiết xuất hành lá, phẩm màu tổng hợp: caramen nhóm III (caramen amoni), bột tiêu, chất điều vị: dinatri 5'-ribonucleotid, chất điều chỉnh độ acid: acid citric, chất làm dày: gôm xanthan, chiết xuất quýt.

Khối lượng tịnh: 290 g, 500 g

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ phòng, bảo quản lạnh sau khi mở nắp.

Hướng dẫn sử dụng: Làm gia vị trong chế biến món ăn (cứ mỗi 100 g thịt là dùng 30 g xốt)

Ngày sản xuất: 18 tháng trước hạn sử dụng

Hạn sử dụng: Xem trên bao bì (Năm.Tháng.Ngày)

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa đậu nành và lúa mì. Kiểm tra tiếng 'boong' khi mở.

Nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam - Chi nhánh Hiệp Phước

Địa chỉ: Lô EA2-7, khu công nghiệp Hiệp Phước (giai đoạn 2), xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3828 2642

Xuất xứ: Hàn Quốc

Sản xuất tại: CJ Cheiljedang. 16, Jukbon 2-gil, Yeonmu-eup, Nonsan-si, Chungcheongnam-do, Hàn Quốc

Dang Thi Ngoc Phuong/Food Safety Kizuna/2023.10.06

TpHCM, ngày 28 tháng 09 năm 2023

Công Ty TNHH CJ Foods Việt Nam - Chi nhánh Hiệp Phước

Giám Đốc Nhà Máy

CÔNG TY TNHH CJ FOODS VIỆT NAM - CHI NHÁNH HIỆP PHƯỚC

PARK YOUNG JU

제품명	백설 소갈비양념
내용량	290 g
제조원	씨제이제일제당(주) 충청남도 논산시 연무읍 죽본2길 16
식품의 유형	소스(살균제품)
품목보고번호	20020464088-29
소비기한	하단
보관방법	실온 보관, 개봉 후 냉장보관 | 표기일까지
포장재질(내면)	용기-유리, 뚜껑-폴리염화비닐
원재료명	혼합간장{아미노산액(탈지대두:외국산), 양조간장원액(탈지대두:외국산), 정제소금, 기타과당}, 설탕, 기타과당, 배퓨레{배(국산), 비타민C}, 정제수, 양파퓨레(중국산), 다진마늘, 사과퓨레(사과:국산), L-글루탐산나트륨(향미증진제), 파엑기스, 카라멜색소Ⅲ, 후춧가루, 향미증진제, 산도조절제, 잔탄검, 감귤류추출물
대두, 밀 함유	

BA4

백설 소갈비 양념

GALBI SAUCE for BEEF

고기맛의 황금비율 100 % 국산배·사과

조리예

290 g (435 kcal) 고기 1 kg용 (고기 100 g당 양념장 30 g 기준)

배 10.9 % 함유, 사과 3.9 % 함유

영양정보 총 내용량 290 g 100 g당 150 kcal

100 g 당		1일 영양성분 기준치에 대한 비율
나트륨	1,960 mg	98 %
탄수화물	34 g	10 %
당류	31 g	31 %
지방	0 g	0 %
트랜스지방	0 g	
포화지방	0 g	0 %
콜레스테롤	0 mg	0 %
단백질	3 g	5 %

1일 영양성분 기준치에 대한 비율 (%)은 2,000 kcal 기준이므로 개인의 필요 열량에 따라 다를 수 있습니다.

고객행복센터 080-850-1200 1666-5471(문자) cj.co.kr

유리 뚜껑:철 라벨:PP

• 알른 토마토, 매밀, 땅콩, 복숭아 호두, 고등어, 우유, 게, 새우, 닭고기, 쇠고기, 오징어, 조개류, 자 호밀기능 • 본 제품은 소비자 분쟁해결기준에 의거 교환 또는 보상 기능 • 부정·불량식품 신고는 국번없이 1399 • 반품 및 교환장소: 전국판매점 • 용기파손 주의 • 개봉 시 '뻥'소리 확인

8 801007 176307

Dang Thi Ngoc Phuong님/Food Safety Kizuna/2023-09-28 11:48:08

Beksul
XỐT ƯỚP SƯỜN BÒ
Xốt galbi cho thịt bò

BẢN DỊCH
TRANSLATION

Tỉ lệ vàng của hương vị thịt
100% lê và táo trong nước

Ví dụ về món đã nấu

290 g
(435 kcal)
Dùng cho 1 kg thịt
(Tiêu chuẩn cứ mỗi 100 g thịt là 30 g xốt ướp)
Chứa 10,9% lê, chứa 3,9% táo

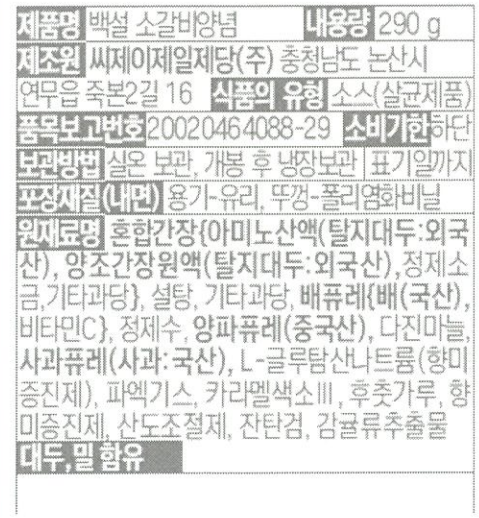

제품명 백설 소갈비양념 **내용량** 290 g
제조원 씨제이제일제당(주) 충청남도 논산시 연무읍 죽본2길 16 **식품의 유형** 소스(살균제품)
품목보고번호 20020464088-29 **소비기한** 하단
보관방법 실온 보관, 개봉 후 냉장보관 | 표기일까지
포장재질(내면) 용기-유리, 뚜껑-폴리염화비닐
원재료명 혼합간장{아미노산액(탈지대두:외국산), 양조간장원액(탈지대두:외국산), 정제소금, 기타과당}, 설탕, 기타과당, 배퓨레(배(국산), 비타민C}, 정제수, 양파퓨레(중국산), 다진마늘, 사과퓨레(사과:국산), L-글루탐산나트륨(향미증진제), 파엑기스, 카라멜색소III, 후춧가루, 향미증진제, 산도조절제, 잔탄검, 감귤류추출물
대두, 밀 함유

Tên sản phẩm	Beksul Xốt ướp sườn bò	**Khối lượng tịnh**	290 g
Nhà sản xuất	CJ Cheiljedang. 16, Jukbon 2-gil, Yeonmu-eup, Nonsan-si, Chungcheongnam-do		
Loại hình thực phẩm	Nước xốt (sản phẩm tiệt trùng)		
Số báo cáo danh mục sản phẩm	20020464088-29	**Hạn sử dụng**	Đến ngày in phía dưới bao bì
Phương pháp bảo quản	Bảo quản nhiệt độ phòng, bảo quản lạnh sau khi mở nắp		
Vật liệu đóng gói(bên trong)	Hộp đựng - thủy tinh, nắp - polyvinyl clorua		

Tên nguyên liệu: Nước tương hỗn hợp {dung dịch amino acid (đậu nành khử béo: sản xuất nước ngoài), nước cốt tương ủ (đậu nành khử béo: sản xuất nước ngoài), muối, fructose khác}, đường, fructose khác, lê xay nhuyễn {lê (trong nước), vitamin C}, nước, hành tây xay nhuyễn (Trung Quốc), tỏi băm, táo xay nhuyễn (táo: trong nước), mononatri L-glutamat (chất điều vị), chiết xuất hành lá, màu caramel III, bột tiêu, chất điều vị, chất điều chỉnh độ acid, gôm xanthan, chiết xuất quýt.
Chứa đậu nành và lúa mì

Thông tin dinh dưỡng	Tổng khối lượng tịnh 290 g 100 g chứa 150 kcal
Trong mỗi 100 g	Tỷ lệ tiêu chuẩn hành phần dinh dưỡng 1 ngày
Natri 1.960 mg	98%
Carbohydrate 34 g	10%
Đường 31 g	31%
Chất béo 0 g	0%
Chất béo chuyển hóa 0 g	
Chất béo bão hòa 0 g	0%
Cholesterol 0 mg	0%
Protein 3 g	5%
(%) Tỷ lệ giá trị dinh dưỡng hàng ngày có thể khác nhau tùy tbò năng lượng thiết yếu của mỗi cá nhân, lấy tiêu chuẩn ở mức 2.000 kcal.	

•Có khả năng trộn lẫn với trứng, cà chua, kiều mạch, đậu phộng, đào, quả óc chó, cá thu, sữa, cua, tôm, thịt gà, thịt bò, mực, động vật có vỏ và hạt thông • Sản phẩm này có thể được đổi trả hoặc bồi thường theo Tiêu chuẩn giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng • Báo cáo sản phẩm lỗi, hỏng: không có mã vùng, gọi 1399.• Địa điểm đổi trả: Cửa hàng trên toàn quốc • Cẩn thận tránh làm vỡ hộp đựng • Kiểm tra tiếng 'boong' khi mở.

BẢN DỊCH
TRANSLATION

	(Mã vạch) 8 801007 176307	
	Trung tâm hạnh phúc khách hàng 080-850-1200 1666-5471(Tin nhắn) cj.co.kr	Thủy tinh Nắp: Sắt Nhãn dán: PP

TpHCM, ngày 28 tháng 09 năm 2023
Công Ty TNHH CJ Foods Việt Nam - Chi nhánh Hiệp Phước
Giám Đốc Nhà Máy
(Đã ký và đóng dấu)
PARK YOUNG JU

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

공증원의공증말

Hôm nay, ngày **03/10/2023** *(Ngày ba, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba),*

Tại trụ sở Văn phòng Công chứng Lê Kim Thanh, số 335 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Tôi – **PHẠM THÙY CHI**, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

*오늘 2023.10.03 일, 호치민시, 10 구, 13 동, To Hien Thanh 에소재한 Le Kim Thanh 법무법원사무소에서저는 **PHAM THUY CHI**, 호치민시, Le Kim Thanh 법무법원사무소의공증원은아래에서명합니다.*

CHỨNG NHẬN:

인증

- Bản dịch này do Bà **Phan Thị Hoài Quyên**, cộng tác viên biên dịch của Văn phòng công chứng Lê Kim Thanh, thành phố Hồ Chí Minh dịch từ tiếng Hàn sang tiếng Việt;
- *이번역본은 **Phan Thi Hoai Quyen** -호치민시, **Le Kim Thanh** 법무법원사무소의합작자로한국어부터베트남어로번역되었음*
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà **Phan Thị Hoài Quyên**;
- *번역본에명기된사인인 **Phan Thi Hoai Quyen** 의사인임은사실과틀림없음;*
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- *번역내용은정확하고불법적이지않고사회도덕과틀리지않음.*
- Văn bản công chứng này được lập thành **02** bản chính, mỗi bản gồm **03** tờ, **03** trang, lưu **01** bản chính tại Văn phòng Công chứng Lê Kim Thanh, thành phố Hồ Chí Minh.
- *이 공증 된 문서는 원본 02 장으로 만들어지며 각 사본은 03 매 03 페 장으로 구성됩니다*

01 원본은호치민시, Le Kim Thanh 법무법원사무소에서보관됨

Số công chứng: 2366 **; quyển số 01 ;TP/CC-SCC/BD.**

공증번호. 2366 ***; 등부번호. 01; TP/CC-SCC/BD.***

CÔNG CHỨNG VIÊN

공증원

S.Đ.K.H.Đ:41020073-C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ KIM THANH
QUẬN 10 - T.P HỒ CHÍ MINH

PHẠM THÙY CHI

C.T.H.D ★ MINH

TpHCM, ngày 28 tháng 09 năm 2023

Công Ty TNHH CJ Foods Việt Nam - Chi nhánh Hiệp Phước

Giám Đốc Nhà Máy

CÔNG TY TNHH CJ FOODS VIỆT NAM - CHI NHÁNH HIỆP PHƯỚC

PARK YOUNG JU

제품명	백설 소갈비양념
식품의 유형	소스(살균제품) 내용량 500 g
제조원	씨제이제일제당(주) 충청남도 논산시 연무읍 죽본2길 16
포장재질(내면)	용기-유리, 뚜껑-폴리염화비닐
소비기한	하단 표기일까지
보관방법	실온 보관, 개봉 후 냉장보관 권장
품목보고번호	20020464088-29
원재료명	혼합간장{아미노산액(탈지대두:외국산), 양조간장원액(탈지대두:외국산), 정제소금,기타과당}, 설탕, 기타과당, 배퓨레{배(국산), 비타민C}, 정제수, 양파퓨레(중국산), 다진마늘, 사과퓨레(사과:국산), L-글루탐산나트륨(향미증진제), 파엑기스, 카라멜색소III, 후춧가루, 향미증진제, 산도조절제, 잔탄검, 감귤류추출물 대두, 밀 함유
반품 및 교환장소	전국판매점

BB4

백설 소갈비 양념

GALBI SAUCE for BEEF

고기맛의 황금비율

100 % 국산배·사과

조리여

500 g

(750 kcal)

고기 1.7 kg용

(고기 100 g당 양념장 30 g 기준)

배 10.9 % 함유, 사과 3.9 % 함유

영양정보

총 내용량 500 g

100 g 당 150 kcal

100 g 당	1일 영양성분 기준치에 대한 비율
나트륨 1,960 mg	98 %
탄수화물 34 g	10 %
당류 31 g	31 %
지방 0 g	0 %
트랜스지방 0 g	
포화지방 0 g	0 %
콜레스테롤 0 mg	0 %
단백질 3 g	5 %

1일 영양성분 기준치에 대한 비율(%)은 2,000 kcal 기준이므로 개인의 필요 열량에 따라 다를 수 있습니다.

•용기 파손 주의 •알콜, 토마토, 메밀, 땅콩, 복숭아, 호두, 고등어, 우유, 게, 새우, 닭고기, 쇠고기, 오징어, 조개류(굴, 전복, 홍합 포함), 잣 혼입가능 •본 제품은 소비자 분쟁 해결 기준에 의거 교환 또는 보상 가능 •부정·불량 식품 시고는 국번없이 1399 •개봉 시 '빵'소리 확인

유리

뚜껑:철

라벨:PP

안전관리인증 HACCP

KOREA WORLD CLASS

8 801007 176352

고객행복센터 080-850-1200 1666-5471(은자) cj.co.kr

Dang Thi Ngoc Phương/Food Safety Kizuna/2023-09-28 11:48:37

Beksul
XỐT ƯỚP SƯỜN BÒ
Xốt galbi cho thịt bò

BẢN DỊCH
TRANSLATION

Tỉ lệ vàng của hương vị thịt
100% lê và táo trong nước

Ví dụ về món đã nấu

500 g
(750 kcal)
Dùng cho 1,7 kg thịt
(Tiêu chuẩn cứ mỗi 100 g thịt là 30 g xốt ướp)
Chứa 10,9% lê, chứa 3,9% táo

제품명	백설 소갈비양념
식품의 유형	소스(살균제품)
내용량	500 g
제조원	씨제이제일제당(주) 충청남도 논산시 연무읍 죽본2길 16
포장재질 (내면)	용기-유리 뚜껑-폴리염화비닐
소비기한	하단 표기일까지
보관방법	실온 보관, 개봉 후 냉장보관 권장
품목보고번호	20020464088-29
원재료명	**혼합간장(아미노산액(탈지대두: 외국산), 양조간장원액(탈지대두:외국산),** 정제소금,기타과당}, 설탕, 기타과당, **배퓨레 {배(국산)**, 비타민C}, 정제수, **양파퓨레(중국산)**, 다진마늘, **사과퓨레(사과:국산)**, L-글루탐산나트륨(향미증진제), 파엑기스, 카라멜색소III, 후춧가루, 향미증진제, 산도조절제, 잔탄검, 감귤류추출물 **대두, 밀함유**
반품 및 교환장소	전국판매점

Tên sản phẩm	Beksul Xốt ướp sườn bò		
Loại hình thực phẩm	Nước xốt (sản phẩm tiệt trùng)	**Khối lượng tịnh**	500 g
Nhà sản xuất	CJ Cheiljedang. 16, Jukbon 2-gil, Yeonmu-eup, Nonsan-si, Chungcheongnam-do		
Vật liệu đóng gói(bên trong)	Hộp đựng - thủy tinh, nắp - polyvinyl clorua		
Hạn sử dụng	Đến ngày in phía dưới bao bì		
Phương pháp bảo quản	Bảo quản nhiệt độ phòng, bảo quản lạnh sau khi mở nắp		
Số báo cáo danh mục sản phẩm	20020464088-29		
Tên nguyên liệu: Nước tương hỗn hợp {dung dịch amino acid (đậu nành khử béo: sản xuất nước ngoài), nước cốt tương ủ (đậu nành khử béo: sản xuất nước ngoài), muối, fructose khác}, đường, fructose khác, lê xay nhuyễn {lê (trong nước), vitamin C}, nước, hành tây xay nhuyễn (Trung Quốc), tỏi băm, táo xay nhuyễn (táo: trong nước), mononatri L-glutamat (chất điều vị), chiết xuất hành lá, màu caramel III, bột tiêu, chất điều vị, chất điều chỉnh độ acid, gôm xanthan, chiết xuất quýt. **Chứa đậu nành và lúa mì**			
Địa điểm đổi trả hàng	Cửa hàng trên toàn quốc		

BẢN DỊCH
TRANSLATION

Thông tin dinh dưỡng	Tổng khối lượng tịnh 500 g 100 g chứa 150 kcal
Trong mỗi 100 g	Tỷ lệ tiêu chuẩn hành phần dinh dưỡng 1 ngày
Natri 1.960 mg	98%
Carbohydrate 34 g	10%
Đường 31 g	31%
Chất béo 0 g	0%
Chất béo chuyển hóa 0 g	
Chất béo bão hòa 0 g	0%
Cholesterol 0 mg	0%
Protein 3 g	5%
(%) Tỷ lệ giá trị dinh dưỡng hàng ngày có thể khác nhau tùy tbò năng lượng thiết yếu của mỗi cá nhân, lấy tiêu chuẩn ở mức 2.000 kcal.	

• Cẩn thận tránh làm vỡ hộp đựng •Có khả năng trộn lẫn với trứng, cà chua, kiều mạch, đậu phộng, đào, quả óc chó, cá thu, sữa, cua, tôm, thịt gà, thịt bò, mực, động vật có vỏ (bao gồm hàu, bào ngư, vẹm) và hạt thông • Sản phẩm này có thể được đổi trả hoặc bồi thường theo Tiêu chuẩn giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng • Báo cáo sản phẩm lỗi, hỏng: không có mã vùng, gọi 1399.• Kiểm tra tiếng 'boong' khi mở.

(Mã vạch)
8 801007 176352

Thủy tinh	Chứng nhận quản lý an toàn HACCP Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm		
Nắp: Sắt Nhãn dán:PP	Sản phẩm đẳng cấp thế giới		
Trung tâm hạnh phúc khách hàng	080-850-1200	1666-5471(Tin nhắn)	cj.co.kr

TpHCM, ngày 28 tháng 09 năm 2023
Công Ty TNHH CJ Foods Việt Nam - Chi nhánh Hiệp Phước
Giám Đốc Nhà Máy
(Đã ký và đóng dấu)
PARK YOUNG JU

Phan Thi Hoai Duyen

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

공증원의공증말

Hôm nay, ngày **03/10/2023** *(Ngày ba, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba),*

Tại trụ sở Văn phòng Công chứng Lê Kim Thanh, số 335 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Tôi – **PHẠM THÙY CHI**, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

*오늘 2023.10.03 일, 호치민시, 10 구, 13 동, To Hien Thanh 에소재한 Le Kim Thanh 법무법원사무소에서저는 **PHAM THUY CHI**, 호치민시, Le Kim Thanh 법무법원사무소의공증원은아래에서명합니다.*

CHỨNG NHẬN:

인증

- Bản dịch này do Bà **Phan Thị Hoài Quyên**, cộng tác viên biên dịch của Văn phòng công chứng Lê Kim Thanh, thành phố Hồ Chí Minh dịch từ tiếng Hàn sang tiếng Việt;

- *이번역본은 **Phan Thi Hoai Quyen** -호치민시, **Le Kim Thanh** 법무법원사무소의합작자로한국어부터베트남어로번역되었음*

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà **Phan Thị Hoài Quyên**;

- *번역본에명기된사인인 **Phan Thi Hoai Quyen** 의사인임은사실과틀림없음;*

- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- *번역내용은정확하고불법적이지않고사회도덕과틀리지않음.*

- Văn bản công chứng này được lập thành **02** bản chính, mỗi bản gồm **03** tờ, **03** trang, lưu **01** bản chính tại Văn phòng Công chứng Lê Kim Thanh, thành phố Hồ Chí Minh.

- *이 공증 된 문서는 원본 02 장으로 만들어지며 각 사본은 03 매 03 페 장으로 구성됩니다*

01 원본은호치민시, Le Kim Thanh 법무법원사무소에서보관됨

Số công chứng: 2865 ; quyển số 01 ;TP/CC-SCC/BD.

공증번호. 2865 ; 등부번호. 01; TP/CC-SCC/BD.

CÔNG CHỨNG VIÊN

공증원

S.Đ.K.H.Đ:41020073-C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ KIM THANH
QUẬN 10 - T.P HỒ CHÍ MINH

PHẠM THÙY CHI

VILAS 237

Report N°: 0000319066

Ho Chi Minh City, Date: October 06, 2023
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 06/10/2023

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2308A-3119
Đơn hàng: 2308A-3119

CLIENT'S NAME *Tên khách hàng*	:	**CJ FOODS VIETNAM COMPANY LIMITED – HIEP PHUOC BRANCH** *CÔNG TY TNHH CJ FOODS VIỆT NAM – CHI NHÁNH HIỆP PHƯỚC*
CLIENT'S ADDRESS *Địa chỉ*	:	**LOT EA2-7, HIEP PHUOC INDUSTRIAL ZONE (STAGE 2),HIEP PHUOC WARD, NHA BE DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM** *LÔ EA2-7, KCN HIỆP PHƯỚC (GIAI ĐOẠN 2), XÃ HIỆP PHƯỚC, HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by *Được lấy/ gửi bởi*	: :	**Client** *Khách hàng*
Client's reference *Chú thích của khách hàng*	:	**Beksul Xốt Ướp Sườn Bò (Galbi Sauce for Beef)**

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description *Mô tả mẫu*	: :	**Food (approx. 0.921kg) in full label plastic bottle** *Thực phẩm (khoảng 0.921kg) chứa trong chai nhựa nhãn mác đầy đủ*
Sample ID *Mã số mẫu*	:	**2308A-3119.004**
Date sample(s) received *Ngày nhận mẫu*	: :	August 29, 2023 *29/08/2023*
Testing period *Thời gian thử nghiệm*	: :	August 30, 2023 - September 06, 2023 *30/08/2023 - 06/09/2023*
Test(s) requested *Yêu cầu thử nghiệm*	: :	As applicant's requirement *Theo yêu cầu của khách hàng*
Test result(s) *Kết quả kiểm nghiệm*	: :	Please refer to the next page(s) *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

	Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Note *Ghi chú*
1.	Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) *Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	2.0x10^1	-	10	cfu/g	
2.	Total Coliforms *Coliform tổng*	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
3.	E. coli *E. coli*	ISO 16649-3:2015	0	-	-	MPN/g	
4.	Salmonella spp. *Salmonella spp.*	LFOD-TST-SOP-8981 (IRIS Salmonella method)	Not Detected *Không phát hiện*	0.9	-	cfu/25g	
5.	Staphylococcus aureus *Staphylococcus aureus*	US FDA BAM chapter 12	<10	-	10	cfu/g	
6.	Total Yeast and Mold *Tổng nấm men và nấm mốc*	LFOD-TST-SOP-8837 (Symphony agar method)	<10	-	10	cfu/g	
7.	Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, G2) *Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1, G2)*	ISO 16050:2003	Not Detected *Không phát hiện*	_(a)	_(a)	µg/kg	
8.	Aflatoxin B1 *Aflatoxin B1*	ISO 16050:2003	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/kg	
9.	Aflatoxin B2 *Aflatoxin B2*	ISO 16050:2003	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/kg	
10.	Aflatoxin G1 *Aflatoxin G1*	ISO 16050:2003	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/kg	
11.	Aflatoxin G2 *Aflatoxin G2*	ISO 16050:2003	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/kg	
12.	Ochratoxin A *Ochratoxin A*	EN 17250:2020	Not Detected *Không phát hiện*	0.3	1	µg/kg	
13.	Arsenic (As) *Asen*	AOAC 2013.06	Not Detected *Không phát hiện*	-	0.01	mg/kg	
14.	Cadmium (Cd) *Cadimi*	AOAC 2013.06	Not Detected *Không phát hiện*	-	0.01	mg/kg	
15.	Mercury (Hg) *Thủy ngân*	AOAC 2013.06	Not Detected *Không phát hiện*	-	0.01	mg/kg	
16.	Lead (Pb) *Chì*	AOAC 2013.06	Not Detected *Không phát hiện*	-	0.01	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Note/*Ghi chú*:

- The methods/analytes remarked with an asterisk (*) are not currently within the ISO 17025 accreditation scope.
  Phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*) chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025.

- The methods without remark of a superscript number were performed by SGS HCM Laboratory; the ones remarked with a superscript number (1) were performed by SGS Can Tho Laboratory; and others remarked with two asterisks (**) were done by subcontractor that was mentioned in the parentheses after the method respectively.
  Phương pháp không được đánh dấu với chỉ số trên được thực hiện bởi PTN SGS HCM; phương pháp được đánh dấu với chỉ số trên (1) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ; và phép thử được đánh dấu với hai sao (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn sau phương pháp tương ứng.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g or 0 MPN/0.1mL for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g or 0.1 mL in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
  LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g hoặc 0 MPN/0.1mL với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g hoặc 0.1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

  _(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item.
  _*(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

PHOTO APPENDIX/*PHỤ LỤC HÌNH ẢNH*

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000306072 Date 21/09/2023 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000306072 Ngày 21/09/2023 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự

Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.